



Hải Phòng, ngày 9 tháng 3 năm 2021.

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ vào các quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (mã CK: VGR) xin giải trình về việc Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020 so với năm trước có biến động từ 10% trở lên trên Báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Chênh lệch tăng	Tỷ lệ chênh lệch (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	133.479.485.820	151.877.001.161	18.397.515.341	13.78

Nguyên nhân chủ yếu:

Năm 2020 Cảng VIP Greenport đã trả hết nợ ngân hàng, dẫn đến việc chi phí tài chính giảm mạnh so với năm 2019. Ngoài ra, giá vốn bán hàng giảm đáng kể do kế hoạch khai thác tốt, dẫn đến việc chi phí vận chuyển hàng được cải thiện và hạn chế chuyển tàu sang các Cảng ngoài.

Đây là các nguyên nhân chính dẫn tới lợi nhuận năm 2020 có phần tăng so với năm 2019.

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu TC-KT



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Cấp Trọng Cường



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Đầu tư**

Số 02221000075
Số 3550787247

Ngày 19 tháng 11 năm 2013
Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 02221000075 được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2013 và có giá trị trong 45 năm. Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh hai lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 3550787247 ngày 26 tháng 4 năm 2017.

**Giấy chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp**

Số 0201579242

Ngày 15 tháng 11 năm 2017

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 28 tháng 10 năm 2014. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh ba lần và lần điều chỉnh gần đây nhất vào ngày 15 tháng 11 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến
Ông Cáp Trọng Cường
Ông Nguyễn Việt Trung
Ông Chang Yen I

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

(từ ngày 3 tháng 2 năm 2021)

Ông Chang Cheng Yung

Thành viên

(đến ngày 3 tháng 2 năm 2021)

Ông Trần Xuân Bạo

Thành viên

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Ban Giám đốc

Ông Cáp Trọng Cường
Ông Nguyễn Dương Kim Khôi

Giám đốc

Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu Kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, Phường Đông Hải 2
Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 8 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cánh Xanh VIP tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Cổ phần Cánh Xanh VIP trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00437-21-2



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0339-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2021

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		323.275.677.346	187.380.893.752
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	108.731.444.161	24.788.536.512
Tiền	111		27.131.444.161	24.788.536.512
Các khoản tương đương tiền	112		81.600.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.500.000.000	3.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	4.500.000.000	3.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.206.951.218	77.626.297.283
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	73.002.221.202	73.966.350.661
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	40.175.061.110	93.205.720
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.029.668.906	3.566.740.902
Hàng tồn kho	140		17.545.072.441	17.103.868.716
Hàng tồn kho	141	10	17.545.072.441	17.103.868.716
Tài sản ngắn hạn khác	150		72.292.209.526	64.562.191.241
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	8.890.565.106	4.847.380.728
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		63.401.644.420	59.714.810.513
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		796.063.639.125	933.373.530.692
Tài sản cố định	220		498.766.583.672	619.235.818.095
Tài sản cố định hữu hình	221	11	498.766.583.672	618.878.799.344
Nguyên giá	222		1.054.411.171.979	1.054.411.171.979
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(555.644.588.307)	(435.532.372.635)
Tài sản cố định vô hình	227		-	357.018.751
Nguyên giá	228		1.982.375.000	1.982.375.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.982.375.000)	(1.625.356.249)
Tài sản dài hạn khác	260		297.297.055.453	314.137.712.597
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	297.297.055.453	314.137.712.597
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.119.339.316.471	1.120.754.424.444

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		69.631.654.061	154.673.763.195
Nợ ngắn hạn	310		69.631.654.061	95.059.554.684
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	42.926.940.914	49.615.787.726
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		317.429.248	553.653.315
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	10.762.152.984	84.316.019
Phải trả người lao động	314		10.009.878.794	10.252.091.665
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.705.359.841	3.769.385.503
Phải trả ngắn hạn khác	319		182.753.280	182.405.558
Vay ngắn hạn	320		-	28.544.925.898
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	2.727.139.000	2.056.989.000
Nợ dài hạn	330		-	59.614.208.511
Vay dài hạn	338		-	59.614.208.511
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.049.707.662.410	966.080.661.249
Vốn chủ sở hữu	410	17	1.049.707.662.410	966.080.661.249
Vốn cổ phần	411	18	632.500.000.000	632.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		632.500.000.000	632.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(94.000.000)	(94.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		417.301.662.410	333.674.661.249
- Lợi nhuận lũy kế đến cuối năm trước	421a		265.424.661.249	200.195.175.429
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		151.877.001.161	133.479.485.820
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.119.339.316.471	1.120.754.424.444

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	21	742.674.148.054	791.771.660.788
Giá vốn hàng bán	11		530.936.408.865	602.049.255.613
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		211.737.739.189	189.722.405.175
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.163.292.019	475.672.657
Chi phí tài chính	22	23	3.530.914.825	16.532.159.661
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.472.887.951	15.714.547.815
Chi phí bán hàng	25	24	22.140.366.453	15.838.861.800
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	20.313.726.402	23.816.858.099
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		168.916.023.528	134.010.198.272
Chi phí khác	32		66.589.908	530.712.452
Kết quả hoạt động khác (40 = - 32)	40		(66.589.908)	(530.712.452)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		168.849.433.620	133.479.485.820
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	16.972.432.459	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		151.877.001.161	133.479.485.820
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.322	2.031

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu số B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	168.849.433.620	133.479.485.820
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	129.718.894.255	130.442.863.863
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	219.870.564	29.784.671
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.762.938.663)	(388.430.225)
Chi phí lãi vay	06	2.472.887.951	15.714.547.815
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	298.498.147.727	279.278.251.944
Biến động các khoản phải thu	09	(7.125.362.418)	(8.963.750.174)
Biến động hàng tồn kho	10	(441.203.725)	(3.241.529.606)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(6.183.802.428)	(9.758.278.864)
Biến động chi phí trả trước	12	3.547.812.934	27.193.675.661
		288.295.592.090	284.508.368.961
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.570.493.665)	(19.491.150.163)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.244.149.042)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.329.850.000)	(3.979.101.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	273.151.099.383	261.038.117.798
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(39.094.132.000)	(2.500.000.000)
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(64.300.000.000)	(60.100.000.000)
Tiền thu hồi từ bán các công cụ nợ của đơn vị khác	24	63.100.000.000	60.100.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.714.945.239	371.139.837
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.579.186.761)	(2.128.860.163)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền trả nợ gốc vay	34	(88.159.134.409)	(184.908.694.424)
Cổ tức đã trả	36	(63.250.000.000)	(50.600.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(151.409.134.409)	(235.508.694.424)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	84.162.778.213	23.400.563.211
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm (Thuyết minh 5)	60	24.788.536.512	1.417.757.972
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(219.870.564)	(29.784.671)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	108.731.444.161	24.788.536.512

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
 Giám đốc

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty, các hoạt động chính của Công ty là bóc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 162 nhân viên (1/1/2020: 157 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 8 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

11/10/2021

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 38 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 4 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm. Do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động bốc dỡ container;
- Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch;
- Hoạt động lai dắt tàu;
- Hoạt động khác.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính.

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	611.687.227.005	58.674.320.947	16.279.251.080	56.033.349.022	742.674.148.054
Kết quả kinh doanh của bộ phận					211.737.739.189
Chi phí không phân bổ					(42.888.305.569)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(16.972.432.459)
Lợi nhuận thuần sau thuế					151.877.001.161



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu của bộ phận	628.436.006.079	87.636.580.485	18.888.207.571	56.810.866.653	791.771.660.788
Kết quả kinh doanh của bộ phận					189.722.405.175
Chi phí không phân bổ					(56.242.919.355)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					-
Lợi nhuận thuần sau thuế					133.479.485.820

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai đất tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận	60.126.673.817	5.767.476.582	1.600.192.347	12.537.547.362	80.031.890.108
Tài sản không phân bổ					1.039.307.426.363
Tổng tài sản					1.119.339.316.471
Nợ phải trả của bộ phận	35.355.830.710	3.391.405.390	940.948.936	3.238.755.878	42.926.940.914
Các khoản nợ không phân bổ					26.704.713.147
Tổng nợ phải trả					69.631.654.061

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu vốn	39.094.132.000
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	120.112.215.672
Khấu hao tài sản cố định vô hình	357.018.751

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020

	Hoạt động bốc dỡ container VND	Hoạt động chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch VND	Hoạt động lai dắt tàu VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	58.707.731.402	8.186.903.326	1.764.513.500	8.873.943.335	77.533.091.563 1.043.221.332.881
Tổng tài sản					1.120.754.424.444
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	39.380.479.274	5.491.681.743	1.183.615.610	3.560.011.099	49.615.787.726 105.057.975.469
Tổng nợ phải trả					154.673.763.195

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiêu vốn	2.500.000.000
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	120.796.729.019
Khấu hao tài sản cố định vô hình	396.475.012

Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty chỉ có một bộ phận theo vùng địa lý là lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	349.986.262	1.159.161.808
Tiền gửi ngân hàng	26.781.457.899	23.629.374.704
Các khoản tương đương tiền (i)	81.600.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	108.731.444.161	24.788.536.512

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 2,9% đến 4% (1/1/2020: Không có).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	4.500.000.000	(*)	3.300.000.000	(*)

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm từ 4,7% đến 6,5% (1/1/2020: từ 5,5% đến 6,6%).

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản tiền gửi có kỳ hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	7.084.000	1.051.584.600
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)	28.286.504.492	20.094.189.732
Công ty TNHH Tuyền Container T.S Hà Nội	5.014.396.844	5.454.082.157
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh	3.381.844.025	-
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Ngôi sao Xanh	4.950.000	10.083.150
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	-	1.241.765.140
Bên thứ ba		
MCC Transport Singapore Pte., Ltd.	18.146.776.166	15.075.286.102
Maersk Line A/S	14.191.921.251	16.069.137.648
Yang Ming Marine Transport Corporation	1.257.971.313	3.560.424.960
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	668.244.563	7.298.477.988
Các khách hàng khác	2.042.528.548	4.111.319.184
	73.002.221.202	73.966.350.661

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty Cổ phần Unico Vina (i)	39.094.132.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Xây dựng Bạch Đằng tại Hà Nội	729.028.800	-
Các khoản trả trước khác	351.900.310	93.205.720
	40.175.061.110	93.205.720

- (i) Trả trước cho công ty Cổ phần Unico Vina liên quan đến trả trước tiền mua khung cầu theo hợp đồng VGP-UNV/TB/20-1 giữa Unico Vina và Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Thanh toán hộ các hãng tàu	1.899.161.686	2.346.698.818
Phải thu bồi thường bảo hiểm	-	631.276.185
Lãi phải thu	93.645.479	45.652.055
Các khoản phải thu khác	5.036.861.741	543.113.844
	<hr/>	<hr/>
	7.029.668.906	3.566.740.902

10. Hàng tồn kho

	31/12/2020	Giá gốc	1/1/2020
	VND		VND
Công cụ và dụng cụ	17.545.072.441		17.103.868.716

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm và cuối năm	393.145.072.964	56.879.235.381	600.334.901.284	4.051.962.350	1.054.411.171.979
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	118.805.097.582	28.782.337.114	284.632.932.408	3.312.005.531	435.532.372.635
Khấu hao trong năm	30.900.438.672	9.271.543.899	79.247.819.566	692.413.535	120.112.215.672
Số dư cuối năm	149.705.536.254	38.053.881.013	363.880.751.974	4.004.419.066	555.644.588.307
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	274.339.975.382	28.096.898.267	315.701.968.876	739.956.819	618.878.799.344
Số dư cuối năm	243.439.536.710	18.825.354.368	236.454.149.310	47.543.284	498.766.583.672

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 66.786 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 309 triệu VND).

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	7.280.976.267	3.257.509.607
Phí bảo hiểm trả trước	1.609.588.839	1.589.871.121
	<hr/>	<hr/>
	8.890.565.106	4.847.380.728
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ	Tổng cộng
	trả trước	và dụng cụ	
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	302.926.359.498	11.211.353.099	314.137.712.597
Tăng trong năm	-	640.820.000	640.820.000
Phân bổ trong năm	(9.249.659.832)	(8.231.817.312)	(17.481.477.144)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	293.676.699.666	3.620.355.787	297.297.055.453
	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Các khoản phải trả người bán****Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	2.114.268.985	9.567.212.543
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh	13.786.528.900	12.658.345.820
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh	9.559.252.505	4.995.097.636
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	6.059.693.529	4.057.082.797
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh	3.836.809.033	8.302.759.676
Công ty Cổ phần Container Miền Trung	22.370.000	-
Bên thứ ba		
Các nhà cung cấp khác	7.548.017.962	10.035.289.254
	42.926.940.914	49.615.787.726

Khoản phải trả thương mại đối với Công ty mẹ và các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã bù trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	35.243.726.766	(35.243.726.766)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	16.972.432.459	-	(6.244.149.042)	10.728.283.417
Thuế thu nhập cá nhân	84.316.019	631.780.505	-	(682.226.957)	33.869.567
Các loại thuế khác	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	84.316.019	52.850.939.730	(35.243.726.766)	(6.929.375.999)	10.762.152.984

11-11-2020 10:11 AM

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trích trước chi phí nâng hạ tàu	1.918.682.700	949.047.750
Trích trước chi phí lãi vay	-	2.097.605.714
Trích trước chi phí tiền điện	200.165.266	287.732.039
Trích trước chi phí khác	586.511.875	435.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.705.359.841	3.769.385.503
	<hr/>	<hr/>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020	2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.056.989.000	36.090.000
Trích lập trong năm	5.000.000.000	6.000.000.000
Sử dụng trong năm	(4.329.850.000)	(3.979.101.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.727.139.000	2.056.989.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2019	632.500.000.000	(94.000.000)	256.795.175.429	889.201.175.429
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	133.479.485.820	133.479.485.820
Cổ tức	-	-	(50.600.000.000)	(50.600.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2020	632.500.000.000	(94.000.000)	333.674.661.249	966.080.661.249
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	151.877.001.161	151.877.001.161
Cổ tức	-	-	(63.250.000.000)	(63.250.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2020	632.500.000.000	(94.000.000)	417.301.662.410	1.049.707.662.410

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	63.250.000	632.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	63.250.000	632.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.



Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***19. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 63.250 triệu VND (10.000 VND trên một cổ phiếu tương đương 10% vốn điều lệ).

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.028.857	23.699.258.350	973.809	22.504.733.122
EUR	8	215.343	8	198.016
		23.699.473.693		22.504.931.138

21. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Dịch vụ bốc dỡ container	611.687.227.005	628.436.006.079
Phí chạy lạnh, kiểm hóa, kiểm dịch	58.674.320.947	87.636.580.485
Phí tàu lai	16.279.251.080	18.888.207.571
Dịch vụ khác	56.033.349.022	56.810.866.653
	742.674.148.054	791.771.660.788

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	2.762.938.663	475.672.657
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	400.353.356	-
	3.163.292.019	475.672.657

31/01/2021
 C
 SÁCH
 K
 TỬ

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Chi phí tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	2.472.887.951	15.714.547.815
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	838.156.310	787.827.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	219.870.564	29.784.671
	<hr/>	<hr/>
	3.530.914.825	16.532.159.661

24. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí hoa hồng nâng hạ tàu	19.331.649.682	15.838.861.800
Chi phí nhân công	2.808.716.771	-
	<hr/>	<hr/>
	22.140.366.453	15.838.861.800

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân công	7.547.823.229	9.978.290.500
Chi phí khấu hao	1.940.038.302	2.076.767.936
Chi phí đồ dùng văn phòng	513.426.195	240.975.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.648.841.249	6.838.470.364
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.663.597.427	4.682.353.697
	<hr/>	<hr/>
	20.313.726.402	23.816.858.099

26. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân công	36.923.318.150	36.068.032.100
Chi phí khấu hao và phân bổ	129.718.894.255	130.442.863.863
Chi phí dịch vụ mua ngoài	401.085.288.802	468.781.550.940
Chi phí khác	5.663.000.513	6.412.528.609

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	168.849.433.620	133.479.485.820
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	33.769.886.724	26.695.897.164
Chi phí không được khấu trừ	174.978.195	21.971.818
Ưu đãi thuế	(16.972.432.460)	(26.717.868.982)
	16.972.432.459	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2016 đến năm 2019) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 63.250.000 cổ phiếu (2019: 63.250.000 cổ phiếu).

Chi tiết lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	151.877.001.161	133.479.485.820
Số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	146.877.001.161	128.479.485.820

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)****Mẫu số B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020 VND	2019 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Container Việt Nam – Công ty mẹ		
Cung cấp dịch vụ	6.440.000	9.356.246.386
Mua dịch vụ	19.156.543.917	35.517.398.282
Trả gốc vay	43.817.388.847	21.908.694.424
Chi phí lãi vay	1.885.965.578	3.232.419.862
Chi phí lãi vay đã trả;	3.023.766.375	4.613.174.137
Chi phí khác	624.000.000	-
Chi trả cổ tức	47.025.000.000	37.620.000.000
Các công ty liên quan khác		
Evergreen Marine Corp Taiwan Ltd		
Chi trả cổ tức	13.750.000.000	11.000.000.000-
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		
Cung cấp dịch vụ	198.495.404.705	210.493.209.038
Chi phí hoa hồng	12.207.481.350	10.776.058.050
Mua dịch vụ	990.740.743	-
Công ty TNHH Vận tải biển Ngôi sao Xanh		
Mua dịch vụ	75.344.230.338	92.640.241.828
Cung cấp dịch vụ	205.283.864	724.318.818
Công ty Cổ phần Container Miền Trung		
Mua dịch vụ	134.623.637	1.126.929.091
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ và Phát triển Xanh		
Mua dịch vụ	64.770.205.916	66.121.638.603
Cung cấp dịch vụ	14.461.147.925	13.192.158.818
Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh		
Mua dịch vụ	54.062.405.849	14.297.779.154
Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ		
Mua dịch vụ	35.296.961.218	21.782.944.041
Cung cấp dịch vụ	10.037.902.400	7.209.951.900
Công ty TNHH Tuyển Container T.S Hà Nội		
Cung cấp dịch vụ	29.459.294.089	28.990.533.384

Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cảng Xanh		
Cung cấp dịch vụ	16.249.867.099	-
Mua dịch vụ	16.491.649.302	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.776.631.730	1.744.425.928

30. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Cáp Trọng Cường
Giám đốc

